

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Molub-Alloy 860/460-2 ES

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES
SDS # 461168
Mã số 461168-DE03

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Ứng dụng sản phẩm Mỡ bôi trơn cho công nghiệp.
Với những chỉ dẫn ứng dụng cụ thể, xem Tài liệu Kỹ thuật hoặc tham vấn đại diện công ty chúng tôi.

Nhà cung cấp Castrol BP Petco
9th Floor – Times Square building
57-69F Dong Khoi Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam
Tel: 84-28-38219596 / 38219153
Fax: 84-28-38219603 / 38219152
Carechem: +65 3158 1074 (24/7)

THÔNG TIN CẤP CỨU ĐÓ TRÀN:

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm **☒**HAY DA - Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ

☒317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn

☒280 - Đeo găng tay/bao tay bảo hộ.
P261 - Tránh hít thở bụi.
P272 - Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Phản ứng

☒362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng.
P302 + P352 - NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.
P333 + P313 - Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hỏi ý kiến chăm sóc y tế.

Lưu trữ

☒Không áp dụng.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 1/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Xử lý

P501 - Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Lộ trình vào

✓ Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải. Tiêu hóa.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại

Khử mỡ dưới da.

Lưu ý: Các Ứng dụng ở Áp suất Cao. Tiêm nhiễm qua da do tiếp xúc với sản phẩm ở áp suất cao có thể dẫn đến tình huống cấp cứu y tế nghiêm trọng.

Xem "Các lưu ý cho chuyên viên y tế" trong phần "Biện pháp Sơ cứu", Mục 4 của Bảng Dữ liệu An toàn này.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/hỗn hợp

Hỗn hợp

Dầu gốc tinh luyện (IP 346 ly trích DMSO < 3%). Các phụ gia tính năng đặc biệt. Chất làm đông.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	%
✓ Dầu thừa (dầu mỏ), hoà tan-đã khử sáp	64742-62-7	≥50 - ≤75
Các chất chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng bỏ bóng bằng dung môi	64742-65-0	≥10 - ≤25
Chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	64742-54-7	≥10 - ≤25
Các loại dầu cặn (dầu mỏ), được tách tạp chất bằng hydro	64742-57-0	≤10
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	38900-29-7	≤3
Bismuth(3+) trineodecanoate	34364-26-6	≤3
Than chì	7782-42-5	≤3
canxi cacbonat	471-34-1	≤3
2,5-bis(octyldithio)-1,3,4-thiadiazole	13539-13-4	≤0.3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt

Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Các mí mắt phải được tách khỏi nhãn cầu để bảo đảm cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

Hít phải

✓ Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Tiếp xúc ngoài da

✓ Nếu bị tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa da ngay ít nhất trong 15 phút trong khi lột bỏ quần áo và giày bị nhiễm. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất làm sạch da đã được công nhận. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hỏi ý kiến tư vấn y tế/chăm sóc y tế.

Nuốt phải

✓ Không được gây ói trừ khi nhân viên y tế đã cho chỉ thị. Không được đưa bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 2/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị

Nói chung điều trị cần hướng vào triệu chứng và nhằm vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

Lưu ý: Các ứng dụng ở áp suất cao. Tiêm nhiễm qua da do tiếp xúc với sản phẩm ở áp suất cao có thể dẫn đến tình huống cấp cứu y tế nghiêm trọng. Lúc đầu các vết thương không tỏ ra nghiêm trọng nhưng sau vài giờ mô bị sưng phồng, đổi màu và đau đớn cực kỳ kèm theo hoại tử dưới da lan rộng.

Cần thông dò phẫu thuật ngay. Gỡ bỏ toàn bộ mô tổn thương là việc làm cần thiết nhằm hạn chế sự thất thoát các mô và ngăn chặn hoặc hạn chế tổn hại lâu dài. Lưu ý rằng áp suất cao có thể ép đẩy sản phẩm ra một khoảng cách đáng kể cùng với các mặt mô.

Điều trị cụ thể

Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp

Khi có hỏa hoạn, hãy sử dụng thiết bị chữa cháy hoặc bình phun sương nước, bọt biển chịu cồn, hóa chất khô, hoặc cacbon dioxit.

Các chất chữa cháy không phù hợp

Đừng dùng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

Không có nguy cơ cụ thể về việc nổ hoặc hỏa hoạn.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm

Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm những chất sau:
các ôxit kim loại
các oxit carbon (CO, CO₂) (cacbon monoxit, cacbon đi-oxit)

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu thấy có cháy, nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu

Liên hệ với nhân viên cấp cứu. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Sàn nhà có thể trơn, hãy cẩn thận để tránh bị ngã.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 3/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Cho các nhân viên cấp cứu

Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường

Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hút hoặc quét chất liệu và đổ vào một đồ đựng được chỉ định và có đề nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hút hoặc quét chất liệu và đổ vào một đồ đựng được chỉ định và có đề nhãn. Giữ đùng để bụi bặm và ngăn không cho gió tung bụi lên. Nếu nhân viên cấp cứu không có sẵn, ngăn cản lại chất tràn ra. Hút hoặc xúc dầu tràn vào đồ chứa thích hợp để thải bỏ hoặc tái chế, sau đó bao phủ khu vực bị tràn đổ bằng chất thấm hút dầu. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Tránh sinh bụi. Không quét khô. Hút bụi bằng máy hút có bộ lọc Bất Bụi Hiệu Quả Cao (HEPA) rồi cho vào một thùng chứa chất thải kín, có ghi nhãn.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

Chăm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Rửa thật kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Để xa sức nóng hay ánh sáng mặt trời trực tiếp. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Chỉ cất giữ và sử dụng trong thiết bị/thùng chứa được thiết kế riêng cho sản phẩm này. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Không thích hợp

Phơi nhiễm lâu với nhiệt độ tăng cao

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 4/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
Đầu thừa (dầu mỏ), hoà tan-đã khử sáp	Bộ Y tế (Việt Nam). [dầu khoáng] TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương STEL: 10 mg/m ³ 15 phút. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương
Các chất chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng bỏ bóng bằng dung môi	Bộ Y tế (Việt Nam). [dầu khoáng] TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương STEL: 10 mg/m ³ 15 phút. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương
Chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocarbon hóa	Bộ Y tế (Việt Nam). [dầu khoáng] TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương STEL: 10 mg/m ³ 15 phút. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương
Các loại dầu cặn (dầu mỏ), được tách tạp chất bằng hydro	Bộ Y tế (Việt Nam). [dầu khoáng] TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương STEL: 10 mg/m ³ 15 phút. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương
Than chì	Bộ Y tế (Việt Nam). [bụi graphit] TWA: 1 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 9/2019 Dạng: Bụi có thể hô hấp phải TWA: 2 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 9/2019 Dạng: nồng độ bụi toàn phần
canxi cacbonat	Bộ Y tế (Việt Nam). TWA: 10 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002

Chỉ số phơi nhiễm sinh học

Không có chỉ số tiếp xúc nào được biết.

Quy trình theo dõi đề nghị

Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Tất cả các hoạt động liên quan đến hoá chất phải được đánh giá về mức độ rủi ro đối với sức khỏe, để đảm bảo rằng việc phơi nhiễm được kiểm soát đúng mức. Thiết bị bảo hộ cá nhân chỉ được xem xét sau khi các biện pháp kiểm soát khác (nghĩa là kiểm soát về kỹ thuật) đã được đánh giá thích hợp. Thiết bị bảo hộ cá nhân cần phải theo tiêu chuẩn phù hợp, phù hợp cho việc sử dụng, giữ gìn và bảo quản tốt.

Nhà cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân cần tư vấn để có lời khuyên về việc chọn lựa và tiêu chuẩn phù hợp. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với tổ chức tiêu chuẩn tại quốc gia bạn.

Cung cấp hệ thống thông gió hay thiết bị kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí liên quan ở dưới giới hạn độc hại nghề nghiệp tương ứng.

Lựa chọn cuối cùng về thiết bị bảo hộ sẽ phụ thuộc vào mức độ đánh giá rủi ro. Điều

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 5/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các hạng mục thiết bị bảo hộ các nhân đều phải phù hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh

Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt

Kính bảo hộ có miếng che hai bên.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hoá chất. Khuyến nghị: Găng tay nitril. Sự lựa chọn đúng găng tay bảo hộ phụ thuộc vào các chất hóa học được xử lý, điều kiện làm việc và sử dụng, và tình trạng của găng tay (thậm chí găng tay chống chất hóa học tốt nhất sẽ bị rách sau sự phơi nhiễm hóa học liên tục). Hầu hết các găng tay chỉ có tác dụng bảo vệ trong một thời gian ngắn và phải được hủy bỏ và thay thế kịp thời. Do các môi trường làm việc cụ thể và thực tế thao tác với vật liệu thay đổi, các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Vì thế, găng tay cần được chọn với sự tư vấn của nhà cung cấp/nhà sản xuất và với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

Bảo vệ da

Sử dụng quần áo bảo hộ là thực hành công nghiệp tốt. Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Quần áo bảo hộ lao động làm bằng bông hoặc polyeste/bông sẽ chỉ cung cấp bảo vệ chống lại sự nhiễm bẩn nhẹ trên bề mặt và không thấm xuyên qua da. Cần thường xuyên giặt quần áo bảo hộ lao động. Khi có rủi ro phơi nhiễm da cao (ví dụ khi dọn sạch sản phẩm bị tràn đổ hoặc khi có rủi ro bị văng vào), cần mang tạp dề hoặc quần áo chống hoá chất và mang giày ủng.

Biện pháp bảo vệ da khác

Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu thông gió, mang thiết bị thở thích hợp. Sự lựa chọn đúng đắn việc bảo vệ đường hô hấp tùy thuộc vào loại hoá chất được sử dụng, điều kiện làm việc và sử dụng, và điều kiện của thiết bị hô hấp. Các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Do vậy, thiết bị bảo vệ hô hấp nên được chọn lựa với sự tư vấn của nhà cung cấp/ nhà sản xuất cùng với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

Trạng thái vật lý

Mỡ bôi trơn

Màu sắc

Xám.

Mùi

Không có sẵn.

Ngưỡng về mùi

Không có sẵn.

pH

Không áp dụng.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 6/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Điểm chảy/điểm đông	Không có sẵn.
Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi	Không có sẵn.
Điểm bùng cháy	Cốc kín: 269°C (516.2°F) [Ước chừng. Dựa trên Lubricants - Base Oils]
Tỷ lệ hóa hơi	Không có sẵn.
Khả năng cháy	Không có sẵn.
Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy	Không áp dụng.
Áp suất hóa hơi	Không có sẵn.

Tên thành phần nguy hiểm	Áp suất hơi ở 20°C			Áp suất hơi ở 50°C		
	mm Hg	kPa	Phương pháp	mm Hg	kPa	Phương pháp

Mật độ hơi tương đối	Không áp dụng.
Tỷ trọng	<1000 kg/m ³ (<1 g/cm ³) ở 20°C
Tỷ trọng (Các) độ tan	Không có sẵn.

Môi trường	Kết quả
nước	Không hòa tan

Hệ số phân chia nước/Octanol	Không áp dụng.
Nhiệt độ tự cháy	Không áp dụng.
Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Đặc tính hạt	
Kích thước hạt trung bình	Không có sẵn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể nào cho sản phẩm này. Tham khảo Điều kiện để phòng tránh và Vật liệu không thích hợp để biết thêm thông tin.

Tính ổn định Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).

Các vật liệu không tương thích Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: các chất oxy hoá.

Những sản phẩm phân hủy nguy hại Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các sản phẩm phân hủy nguy hại sẽ không phát sinh.

Tên sản phẩm	Molub-Alloy 860/460-2 ES	Mã sản phẩm	461168-DE03	Trang:	7/14
Ngày phát hành	05/08/2024.	Format	Việt nam	Ngôn ngữ	TIẾNG VIỆT
Phiên bản	6.02	(Việt nam)		(VIETNAMESE)	

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/ thành phần	Kết quả/Lộ trình	Chi tiết thử nghiệm	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm	Nhận xét
Chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	LD50 Ngoài da	OECD 402	Thỏ	>5000 mg/kg	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	LD50 Đường miệng	OECD 401	Chuột	>5000 mg/kg	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	LD50 Hít phải Bụi và sương	OECD 403	Chuột	>5 mg/l	4 giờ	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	LD50 Ngoài da	OECD 402	Thỏ	>2000 mg/kg	-	-
	LD50 Đường miệng	OECD 401	Chuột	>300 mg/kg	-	-

Kết luận/Tóm tắt

Không có sẵn.

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Thẩm quyền thử nghiệm / Số thử nghiệm	Loài	Lộ trình/Kết quả	Mật độ	Nhận xét
Chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	OECD 405	Thỏ	Mắt - Không dị ứng với mắt.	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	OECD 404	Thỏ	Da - Kích ứng nhẹ	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	OECD 405	Thỏ	Mắt - Không gây khó chịu	-	-
	OECD 439	RhE	Da - Không gây khó chịu	-	-

Nhạy cảm

Tên sản phẩm	Molub-Alloy 860/460-2 ES	Mã sản phẩm	461168-DE03	Trang:	8/14
Ngày phát hành	05/08/2024.	Format	Việt nam	Ngôn ngữ	TIẾNG VIỆT
Phiên bản	6.02		(Việt nam)		(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên sản phẩm/thành phần	Cách phơi nhiễm	Chi tiết thử nghiệm	Loài	Kết quả	Nhận xét
Chung cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	da	OECD 406	Không gây mẫn cảm	Chuột thí nghiệm	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	da	OECD 429	Không gây mẫn cảm	Chuột	-

Tính đột biến

Tên sản phẩm/thành phần	Chi tiết thử nghiệm	Tế bào / Loại	Kết quả	Nhận xét
Chung cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	471 Bacterial Reverse Mutation Test	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm Đối tượng thử nghiệm: Vi trùng	Âm tính	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	473 <i>In vitro</i> Mammalian Chromosomal Aberration Test	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm Đối tượng thử nghiệm: Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào	Âm tính	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	476 <i>In vitro</i> Mammalian Cell Gene Mutation Test	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm Đối tượng thử nghiệm: Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào	Âm tính	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	474 Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test	Thí nghiệm: Trong tế bào sống Đối tượng thử nghiệm: Loài có vú - không chỉ định rõ loại nào	Âm tính	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	OECD 471	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm Đối tượng thử nghiệm: Vi trùng	Âm tính	-
	OECD 473	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm Đối tượng thử nghiệm: Loài có vú-Động vật	Âm tính	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	OECD 476	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm	Âm tính	Dựa vào các nghiên cứu với

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 9/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

các chất tương tự.

Đối tượng thử nghiệm: Loài có vú-Động vật

Kết luận/Tóm tắt Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Tên sản phẩm/ thành phần	Chi tiết thử nghiệm	Loài	Sự phơi nhiễm	Độc tính phát triển	Độ độc nơi người mẹ	Khả năng sinh sản	Nhận xét
<input checked="" type="checkbox"/> Lithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	OECD 422	Chuột	Ngoài da -	Âm tính	Âm tính	Âm tính	-

Kết luận/Tóm tắt Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra Đường xâm nhập lường trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải, Mắt.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Hít phải	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Tiếp xúc ngoài da	Khử mỡ dưới da. Có thể gây khô da và kích ứng. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt	Không có thông tin cụ thể.
Hít phải	Không có thông tin cụ thể.
Tiếp xúc ngoài da	<input checked="" type="checkbox"/> Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ khô da nứt da
Nuốt phải	<input checked="" type="checkbox"/> Không có thông tin cụ thể.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	Không có sẵn.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES	Mã sản phẩm 461168-DE03	Trang: 10/14
Ngày phát hành 05/08/2024.	Format Việt nam	Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT
Phiên bản 6.02	(Việt nam)	(VIETNAMESE)

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tổng quát	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Tính gây ung thư	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Tính đột biến	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Độc tính gây quái thai	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Ảnh hưởng khả năng sinh sản	<input checked="" type="checkbox"/> Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
<input checked="" type="checkbox"/> Đường miệng	11056.29 mg/kg

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm	Các ảnh hưởng	Nhận xét
<input checked="" type="checkbox"/> Chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	Daphnia	Cấp tính EL50 >10000 mg/l	48 giờ	-	-
	Cá	Cấp tính LL50 >100 mg/l	96 giờ	-	-
	Tảo	mãn tính NOEL ≥ 100 mg/l	72 giờ	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	Daphnia	mãn tính NOEL 10 mg/l	21 ngày	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
	Cá	Cấp tính EC50 >100 mg/l	96 giờ	-	-
	Tảo	Cấp tính ErC50 23 mg/l	72 giờ	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 11/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tảo	mãn tính NOEC 3.2 mg/l	72 giờ	-	Dựa vào các nghiên cứu với các chất tương tự.
-----	---------------------------	--------	---	---

Kết luận/Tóm tắt	Không có sẵn.
Hậu quả môi trường	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

Độ bền và khả năng phân hủy

Được cho là có thể phân hủy bằng vi khuẩn.

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn
Chưng cất (dầu mỏ), dầu paraffin nặng hydrocacbon hóa	OECD 301F	31 % - Không dễ - 28 ngày	-	-
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	OECD 301B	91 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-

Kết luận/Tóm tắt	Không có sẵn.
-------------------------	---------------

Khả năng tồn lưu

Không có sẵn.

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
Dilithium azelate (Nonanedioic acid dilithium salt)	-3.3	-	Thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc})	Không có sẵn.
--	---------------

Tính cơ động	Mỡ bôi trơn. không tan trong nước.
---------------------	------------------------------------

Hậu quả xấu khác	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
-------------------------	---

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ	<p>Cần tránh hoặc nếu có thể giảm thiểu việc tạo ra chất thải</p> <p>Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Chỉ do các nhà thầu có được phép xử lý các sản phẩm thừa hay các sản phẩm không tái chế được xử lý chất thải. Bất cứ lúc nào, việc thải bỏ sản phẩm, dung dịch hoặc sản phẩm phụ phải phù hợp với các yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường, luật lệ xử lý chất thải, và quy định của chính quyền địa phương hay khu vực.</p> <p>Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay các lớp lót có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.</p>
--------------------------------	---

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES	Mã sản phẩm 461168-DE03	Trang: 12/14
Ngày phát hành 05/08/2024.	Format Việt nam	Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT
Phiên bản 6.02	(Việt nam)	(VIETNAMESE)

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Không quản lý.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	-	-
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-
Quy cách đóng gói	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.
Thông tin bổ sung	-	-

Các biện pháp phòng đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) Không được xếp vào loại nguy hiểm.

Danh sách quốc tế

Tình trạng Danh mục của Úc (AICS) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Canada Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Trung Quốc (IECSC) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Tình Trạng REACH (Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) Công ty, như được xác định trong Mục 1, bán sản phẩm này tại Châu Âu theo yêu cầu hiện thời của REACH.

Danh mục của Nhật (ENCS) Có ít nhất một thành phần không được liệt kê.

Danh mục của Hàn Quốc (KECI) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Phi-lip-pin (PICCS) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Taiwan Chemical Substances Inventory (TCSI) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Tên sản phẩm Molub-Alloy 860/460-2 ES

Mã sản phẩm 461168-DE03

Trang: 13/14

Ngày phát hành 05/08/2024.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 6.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Danh mục của Hoa Kỳ
(TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm
Soát Chất Độc)

Tất cả các thành phần đều hoạt động hoặc được miễn trừ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh	2024 Tháng Năm 08
Ngày phát hành lần trước	10/11/2023
Chuẩn bị bởi	Product Stewardship
Bảng từ viết tắt	ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính BCF = Hệ số nồng độ sinh học GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IBC = Côngtenơ khổ trung IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải)) UN = Liên hợp quốc Đa tạp = có thể chứa một hay nhiều thành phần sau 64741-88-4, 64741-89-5, 64741-95-3, 64741-96-4, 64742-01-4, 64742-44-5, 64742-45-6, 64742-52-5, 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-57-0, 64742-58-1, 64742-62-7, 64742-63-8, 64742-65-0, 64742-70-7, 72623-85-9, 72623-86-0, 72623-87-1

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Tất cả các bước khả thi hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo thông tin về sức khỏe, an toàn và môi trường trong bảng dữ liệu là chính xác tính đến ngày được nêu dưới đây. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Bạn không được sử dụng sản phẩm theo cách khác với (những) cách đã nêu mà không hỏi ý kiến của Tập đoàn BP.

Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. Tập đoàn BP sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ mọi thiệt hại hoặc tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu rõ đối với chất này, do không tuân thủ các khuyến nghị, hoặc do bất kỳ sự nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này. Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa. Bạn có thể liên hệ với Tập đoàn BP để đảm bảo tài liệu này là tài liệu mới nhất hiện có. Nghiêm cấm thay đổi đối với tài liệu này.

Tên sản phẩm	Molub-Alloy 860/460-2 ES	Mã sản phẩm	461168-DE03	Trang:	14/14
Ngày phát hành	05/08/2024.	Format	Việt nam	Ngôn ngữ	TIẾNG VIỆT
Phiên bản	6.02	(Việt nam)		(VIETNAMESE)	